ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải phòng, ngày 09 tháng 11 năm 2026

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN BIỆN XÃ HỘI ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ CHO HOẠT ĐỘNG TIÊU CHUẨN, HOẠT ĐỘNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức lấy ý kiến, phản biện xã hội đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý thành phố Hải Phòng.

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi xin ý kiến:

- Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu;

- Các viện nghiên cứu, trường đại học, Cao đẳng, tổ chức khoa học và công nghệ, Hiệp hội doanh nghiệp, Hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Xin ý kiến trên Cổng thông tin điện tử thành phố Hải Phòng.

2. Tổng số cơ quan có văn bản tham gia ý kiến: 118 văn bản (*trong đó theo yêu cầu bắt buộc phải có ý kiến: Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nội vụ và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố*):

- Số văn bản có ý kiến tham gia: 13 văn bản (Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Sở Công thương, UBND phường Tứ Minh, UBND phường Hải An, UBND xã Lạc Phượng, Thanh tra thành phố; Trường Đại học Hải Phòng; Phân viện Hải dương học tại Hải Phòng; Trường Cao đẳng Hàng hải và Đường thủy I; Trường Cao Đăng Dược Trung Ương Hải Dương).

- Số văn bản nhất trí: 105 văn bản.

3. Y kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử thành phố: Không có

4. Tổng hợp các ý kiến tham gia và nội dung tiếp thu, giải trình, cụ thể như sau:

Số TT	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	Về nội dung dự thảo nghị quyết (Điểm a, e khoản 5 Điều 3)	Sở Tư pháp (Công văn số 5273/STP-XDVB ngày 20/10/2026)	Điểm a, e khoản 5 Điều 3 dự thảo quy định: *"Chi đánh giá thực trạng; nghiên cứu các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tài liệu và kết quả nghiên cứu khoa học liên quan; lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành, áp dụng thử (nếu có) để xác định các chỉ tiêu, đặc tính kỹ thuật, yêu cầu quản lý của dự thảo tiêu chuẩn cơ sở bằng 70% mức chi nội dung tương tự được quy định tại điểm a, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 15 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN"*; "Chi thẩm tra dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: Nếu thẩm tra theo phương pháp hội đồng thì áp dụng mức chi cho thành viên hội đồng bằng 70% mức chi đối với thành viên họp hội đồng thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia quy định tại điểm n khoản 1 Điều 15 Thông tư số 23/2026/TT BKHCN". Tuy nhiên, các định mức chi kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN là định mức tối đa. Theo quy định điểm h khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 thì Hội đồng nhân dân thành phố có nhiệm vụ, quyền hạn: "Quyết định cụ thể hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ hoặc Bộ Tài chính phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương"; khoản 8 Điều 3 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN quy định: "Căn cứ định mức chi tại Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp được Hội đồng nhân dân cấp	**Tiếp thu ý kiến**: Sửa đổi mức chi tại Điểm a, e khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị quyết, cụ thể: *a) Chi đánh giá thực trạng; nghiên cứu các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tài liệu và kết quả nghiên cứu khoa học liên quan; lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành, áp dụng thử (nếu có) để xác định các chỉ tiêu, đặc tính kỹ thuật, yêu cầu quản lý của dự thảo tiêu chuẩn cơ sở bằng 70% mức chi **tối đa** nội dung tương tự được quy định tại điểm a, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 15 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN;* *e) Nếu thẩm tra theo phương pháp hội đồng thì áp dụng mức chi cho thành viên hội đồng bằng 70% mức chi **tối đa** đối với thành viên họp hội đồng thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia quy định tại điểm n khoản 1 Điều 15 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN.* Dự thảo Quy định được xây dựng trên cơ sở bám sát nội dung và nguyên tắc quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-

			tỉnh giao thẩm quyền quyết định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động 2 quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm phù hợp với đặc thù hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật của địa phương và khả năng cân đối ngân sách được giao". Do đó, đề nghị xem xét, quy định mức chi cụ thể đối với các nội dung chi tại điểm a, e khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị quyết.	BKHCN. Đối với các khoản chi được Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) so với mức chi của nội dung tương tự hoặc theo hệ số, phương pháp xác định tại văn bản khác,việc tiếp tục quy định theo hình thức dẫn chiếu nhằm bảo đảm tính thống nhất, chính xác và thuận lợi trong quá trình áp dụng khi các mức chi, hệ số hoặc văn bản được viện dẫn có sự sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.Bên cạnh đó, việc quy đổi thành mức tiền cụ thể trong dự thảo Quy định có thể dẫn đến không còn phù hợp khi các căn cứ được viện dẫn thay đổi, đồng thời làm phát sinh yêu cầu sửa đổi văn bản của địa phương để bảo đảm tính đồng bộ với quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, Chi cục giữ nguyên nội dung dự thảo theo hướng dẫn chiếu đến các quy định tương ứng tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN.
	Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản (Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết)		- Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết; đề nghị chỉnh lý thành: "*Nghị quyết này quy định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN ngày 28 tháng 5 năm*	**Tiếp thu ý kiến**: - Sửa đổi Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, cụ thể: "*Nghị quyết này quy định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ*

			2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật"; - Khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị quyết; đề nghị sửa thành: "*Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó*" cho chính xác.	*thuật sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật*" - Sửa đổi Khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị quyết, cụ thể: "*Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó*".
	Về trình tự, thủ tục		- Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ gửi hồ sơ để Sở Tư pháp thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 44, khoản 2 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; khoản 1 Điều 9 Quy chế về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 192/2025/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố; trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, gồm: Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố; Dự thảo Nghị quyết; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; Bản đánh giá thủ	**Tiếp thu ý kiến**: - Sau khi hoàn thành việc lấy ý kiến vào dự thảo, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ gửi hồ sơ để Sở Tư pháp thẩm định, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, gồm: Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố; Dự thảo Nghị quyết; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; Bản đánh giá

			tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có); Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; Bản chụp các văn bản tham gia ý kiến; - Ý kiến tham gia bằng văn bản của Phòng có chức năng, nhiệm vụ về pháp chế thuộc Sở; - Các tài liệu khác có liên quan (nếu có). - Khoản 5 Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) quy định: "Cơ quan lập đề xuất chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến góp ý; đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày và trong thời gian đăng tải được thực hiện đồng thời các hoạt động khác trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định". Do đó, đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình đảm bảo thời hạn theo quy định.	thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có); Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; Bản chụp các văn bản tham gia ý kiến. - Thực hiện đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ đảm bảo thời hạn theo quy định.

2	Nguồn kinh phí (Điều 4 dự thảo Nghị quyết)	Sở Tài chính (Công văn số 11356/STC-TCHCSN ngày 23/10/2026)	Tại Điều 4 về Nguồn kinh phí, dự thảo viết: "*Kinh phí thực hiện do ngân sách thành phố bảo đảm*". Sở Tài chính đề nghị xem xét, sửa đổi theo hướng: 1. *Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm của thành phố.* *2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động tiêu chuẩn cơ sở, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật.*	**Tiếp thu một phần ý kiến**: Chỉnh lý Điều 4 dự thảo: Đảm bảo kinh phí được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm, theo phân cấp ngân sách và trong phạm vi dự toán được giao; không bổ sung nguồn kinh phí ngoài ngân sách vào Điều 4 vì khoản 8 Điều 3 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN giao thẩm quyền quyết định mức chi ngân sách nhà nước; các nguồn hợp pháp khác thực hiện theo Điều 4 Thông tư này và pháp luật liên quan. Đồng thời chỉnh lý thuyết minh cho thống nhất.

3	Về nguồn kinh phí (Điều 4 dự thảo Nghị quyết)	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Công văn số 14431/SNNMT-TCKHĐT ngày 23/10/2026)	Tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết quy định "*Kinh phí thực hiện do ngân sách thành phố bảo đảm*", chưa nêu rõ khoản chi nào trong ngân sách thành phố và chưa kế thừa nội dung của Điều 4 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN (*gồm cả các nguồn hợp pháp khác như đóng góp, tài trợ, hỗ trợ tự nguyện*) trong khi Bản so sánh, thuyết minh ghi là kế thừa. Đề nghị rà soát, bổ sung để bảo đảm tính đầy đủ, thống nhất giữa dự thảo Nghị quyết và tài liệu thuyết minh	**Tiếp thu một phần ý kiến**: Chỉnh lý Điều 4 và Bản so sánh, thuyết minh để thống nhất về dự toán ngân sách theo phân cấp. Không bổ sung cơ chế chi từ nguồn đóng góp, tài trợ ngoài ngân sách vào Nghị quyết vì phạm vi quyết định của HĐND tại khoản 8 Điều 3 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN là mức chi ngân sách nhà nước; nguồn khác thực hiện theo Điều 4 Thông tư này.
	Về kỹ thuật trình bày văn bản		Bản so sánh, thuyết minh xác định Điều 6 quy định về hiệu lực thi hành, Điều 7 quy định về tổ chức thực hiện, trong khi dự thảo Nghị quyết gồm 06 điều, trong đó Điều 5 quy định về hiệu lực thi hành 2 và Điều 6 quy định về tổ chức thực hiện. Đề nghị rà soát, chỉnh sửa để bảo đảm sự thống nhất giữa dự thảo Nghị quyết và các tài liệu liên quan.	**Tiếp thu ý kiến**: Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, chỉnh sửa Bản so sánh, thuyết minh xác định Điều 6 thống nhất, phù hợp với dự thảo Nghị quyết và các tài liệu liên quan.
4	Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1, Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN và các quy định pháp luật có liên quan)	Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố (Công văn số 1537/MTTQ-BTT ngày 23/10/2026)	Đề nghị lược bỏ các viện dẫn về Thông tư tại Điều 1 để đảm bảo quy định ngắn gọn, rõ ràng, tập trung xác định trực tiếp phạm vi điều chỉnh của văn bản; tránh lặp lại các căn cứ pháp lý đã được viện dẫn tại phần căn cứ ban hành của dự thảo Nghị quyết. Cụ thể như sau: "*1. Nghị quyết này quy định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố.* *2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện tại quy định Thông tư số 23/2026/TT-*	**Tiếp thu và có điều chỉnh ý kiến**: "*1. Nghị quyết này quy định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa*

			BKHCN và các quy định pháp luật có liên quan."	*học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật.* *2. Các nội dung chi và mức chi trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo nội dung chi và mức chi quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan".*
	Về mức chi cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật (Khoản 8 Điều 3 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, và các quy định pháp luật có liên quan.)		Theo khoản 8 Điều 3 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN: "*Định mức chi kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này là định mức tối đa. Căn cứ định mức chi tại Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giao 2 thẩm quyền quyết định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm phù hợp với đặc thù hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật của địa phương và khả năng cân đối ngân sách được giao*" Bản so sánh, thuyết minh đã làm rõ sự cần thiết của các nội dung chi và yêu cầu chuyên môn trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, phần lớn mức chi tại dự thảo Nghị quyết được đề xuất bằng mức tối đa đã được quy	**Tiếp thu ý kiến:** Làm rõ cơ sở lựa chọn mức chi, bổ sung vào Tờ trình đánh giá nhu cầu nhiệm vụ, khối lượng dự kiến và khả năng cân đối ngân sách, có ý kiến Sở Tài chính.

			định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, trong khi căn cứ lựa chọn mức chi và khả năng cân đối ngân sách chưa được phân tích, minh chứng đầy đủ, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Sở Tài chính tiếp tục rà soát, bổ sung đánh giá tác động đối với ngân sách thành phố nhằm bảo đảm việc đề xuất mức chi có đầy đủ cơ sở thực tiễn để Hội đồng thành phố xem xét, quyết định	
	Về nguồn kinh phí thực hiện (Điều 4 dự thảo Nghị quyết)		Điều 4 dự thảo Nghị quyết quy định: "*Kinh phí thực hiện do ngân sách thành phố bảo đảm*", đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định về các nguồn kinh phí hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước, như: nguồn đóng góp, tài trợ, hỗ trợ tự nguyện của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp tác quốc tế, viện trợ và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, nhằm đa dạng hóa nguồn lực, tạo sự linh hoạt trong việc huy động kinh phí thực hiện hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật, góp phần giảm áp lực đối với ngân sách thành phố.	**Tiếp thu ý kiến**: Làm rõ nguồn kinh phí tại Điều 4 và hồ sơ thuyết minh. Không bổ sung nguồn kinh phí ngoài ngân sách vào phạm vi điều chỉnh mức chi của Nghị quyết, theo khoản 8 Điều 3 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN; các nguồn kinh phí hợp pháp khác thực hiện theo Điều 4 Thông tư này và pháp luật có liên quan.
	Về điều khoản thi hành (khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị quyết)		Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, biên tập lại khoản 2 Điều 5 theo hướng "*Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của cơ quan có thẩm quyền*"	**Tiếp thu ý kiến**: Sửa đổi Khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị quyết, cụ thể: "*Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó*".

5	Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản	Sở Công thương (Công văn số 6160/SCT-VP ngày 19/10/2026)	Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản: Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, kiểm tra kỹ lại phần căn cứ pháp lý, đảm bảo trích dẫn chính xác số hiệu, ngày tháng ban hành của các Luật và văn bản hướng dẫn thi hành; đồng thời rà soát lỗi chính tả, kỹ thuật văn bản trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	**Tiếp thu ý kiến**: Sở Khoa học và Công nghệ đã rà soát các căn cứ pháp lý, thông tin trích dẫn, lỗi chính tả và kỹ thuật trình bày văn bản và chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo theo quy định.
6	Về đối tượng áp dụng (Điều 2 dự thảo Nghị quyết)	Ủy ban nhân dân phường Tứ Minh (Công văn số 2665/UBND-KT ngày 19/10/2026)	Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định "*đơn vị sự nghiệp công lập... và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan*", trùng nội dung và làm rộng đối tượng so với khoản 1; đồng thời nội dung này không khớp với phần thuyết minh tại Bản so sánh. Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, quy định thống nhất và nêu rõ Ủy ban nhân dân cấp xã có thuộc đối tượng áp dụng hay không.	**Tiếp thu ý kiến**: Sở Khoa học và công nghệ đã rà soát thống nhất giữa Dự thảo, Tờ trình và thuyết minh. **Nội dung không tiếp thu**: Phần đối tượng áp dụng không bị trùng lặp phù hợp với TT 23/2026/TT-BKHCN. Việc phân định đối tượng tại Điều 2 xuất phát từ sự khác biệt về địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ và cơ chế quản lý tài chính của từng loại hình tổ chức. Theo khoản 1 Điều 6 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được tham gia hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Tuy nhiên, đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm tổ chức khoa học và công nghệ công lập, là loại hình tổ chức có tư cách pháp nhân, thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công theo khoản 1 Điều 9 Luật Viên chức và áp dụng cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; kinh phí thực hiện nhiệm vụ có thể được bố trí thông qua giao nhiệm vụ, đặt hàng

				hoặc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định. Trong khi đó, cơ quan quản lý nhà nước thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, thẩm quyền và dự toán ngân sách được giao; doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác tham gia theo tính chất hoạt động và quy định pháp luật có liên quan. Vì vậy, việc quy định riêng các nhóm đối tượng là cần thiết để xác định đúng trách nhiệm, phương thức thực hiện nhiệm vụ và cơ chế quản lý, thanh quyết toán kinh phí, không làm phát sinh hay mở rộng đối tượng áp dụng so với quy định pháp luật hiện hành. UBND cấp xã thuộc nhóm cơ quan nhà nước tại khoản 1 Điều 2 khi thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết. Việc tách nhóm không làm phát sinh đối tượng mới.
	Về nguồn kinh phí (Điều 4 dự thảo nghị quyết)		Dự thảo Nghị quyết quy định "*Kinh phí thực hiện do ngân sách thành phố bảo đảm*", trong khi Bản so sánh thuyết minh "*kế thừa Điều 4 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN*" (gồm cả nguồn hợp pháp khác) và Bản đánh giá tác động nêu cách diễn đạt khác. Đề nghị thống nhất cách quy định; đồng thời làm rõ trường hợp nhiệm vụ do cấp xã thực hiện (nếu có) được bố trí từ ngân sách thành phố hay ngân sách cấp xã.	**Tiếp thu một phần**: Chỉnh lý Điều 4 theo hướng bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách nhà nước, trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao; đồng thời thống nhất Tờ trình, Bản so sánh và Bản đánh giá tác động. Không bổ sung nguồn ngoài ngân sách vào quy định mức chi ngân sách của Nghị quyết vì giới hạn thẩm quyền tại khoản 8 Điều 3 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN; các nguồn khác thực hiện theo Điều 4 Thông tư này. Căn cứ vào

				phân ngân sách bố trí từ ngân sách thành phố hay ngân sách cấp xã theo từng nhiệm vụ.
	Về tính chất của mức chi (Điều 3 dự thảo Nghị quyết)		Khoản 8 Điều 3 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN quy định định mức là mức tối đa, và Tờ trình cũng nêu mức chi là giới hạn để lập, thẩm định dự toán, không phải mức áp dụng mặc nhiên. Tuy nhiên Điều 3 dự thảo ghi mức chi cố định, không có cụm "tối đa". Đề nghị bổ sung quy định mức chi tại Điều 3 là mức chi tối đa. Đề nghị Tờ trình bổ sung cơ sở lựa chọn mức 100% định mức tối đa (Bảng so sánh có dẫn Thái Nguyên áp dụng 80%) và ý kiến của Sở Tài chính về khả năng cân đối ngân sách.	**Tiếp thu ý kiến**: Bổ sung tại phần mở đầu Điều 3 nguyên tắc các mức chi quy định là mức tối đa; mức chi thực tế xác định theo nhiệm vụ, khối lượng và dự toán được duyệt. Bổ sung Tờ trình căn cứ lựa chọn tỷ lệ so với định mức tối đa theo khoản 8 Điều 3 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN và khả năng cân đối ngân sách.
	Về kỹ thuật xây dựng Dự thảo nghị quyết: Điều 3: Khoản 5 (điểm a, điểm e)		Khoản 5 (điểm a, điểm e) quy định mức chi "bằng 70%" mức chi tại Điều 15 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN mà không 2 nêu số tiền, trong khi Bảng dự kiến kinh phí đã dùng số cụ thể (350.000 đồng, 700.000 đồng, 1.050.000 đồng…); đề nghị ghi số tiền cụ thể để thuận lợi lập dự toán. Khoản 2 (điểm d, điểm đ) quy định theo tỷ lệ phần trăm, còn Bản so sánh ghi số tiền; đề nghị thống nhất. Khoản 4: "Tiền công lập báo cáo kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả" (5.000.000 đồng/báo cáo) đang nằm trong điểm b về hội thảo; đề nghị tách thành điểm riêng. Điều 1 chưa nêu nội dung loại trừ tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN (kinh phí thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật ban hành quy chuẩn kỹ thuật), trong khi điểm l khoản 2 Điều 3 quy định chi họp Hội đồng thẩm định quy chuẩn kỹ thuật; đề nghị làm rõ để tránh trùng lặp với kinh phí xây dựng	**Tiếp thu ý kiến một phần**: Giữ cách quy định bằng tỷ lệ tại điểm d, đ khoản 2 và điểm a, e khoản 5 Điều 3 vì mức chi phụ thuộc mức gốc và nội dung tương ứng; bảng dự kiến kinh phí phải thể hiện phép tính quy đổi thành tiền, không coi là mức chi độc lập. Không bổ sung tại Điều 1 loại trừ kinh phí thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật ban hành quy chuẩn kỹ thuật theo khoản 2 Điều 1 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN; khoản chi thẩm định chuyên môn quy chuẩn kỹ thuật tại điểm l khoản 2 Điều 3 là công việc khác. Khoản 4 Điều 3 đã tách tiền công lập báo cáo thành điểm c.

			văn bản quy phạm pháp luật.	
7	Về đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết	Ủy ban nhân dân phường Hải An (Công văn số 5742 /UBND-KT ngày 19/10/2026)	Đề nghị làm rõ việc áp dụng các nội dung chi đối với UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã khi được giao thực hiện hoặc phối hợp thực hiện nhiệm vụ về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.	**Tiếp thu yêu cầu làm rõ**: UBND cấp xã là cơ quan nhà nước thuộc khoản 1 Điều 2 khi được giao thực hiện hoặc phối hợp thực hiện nhiệm vụ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo thẩm quyền; không hình thành một nhóm đối tượng hưởng chi riêng. Căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị định 22/2026/NĐ-CP và quy định phân cấp nhiệm vụ, ngân sách hiện hành.
	Về nguồn kinh phí thực hiện		Đề nghị làm rõ cơ chế bố trí, phân bổ và sử dụng kinh phí đối với các nhiệm vụ phát sinh tại cấp xã; hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí, bảo đảm phù hợp với phân cấp ngân sách và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương	**Tiếp thu ý kiến:** Điều 4 cần xác định kinh phí bố trí theo phân cấp ngân sách nhà nước và trong phạm vi dự toán được giao. Cơ quan, đơn vị cấp xã được giao nhiệm vụ lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán theo Thông tư 23/2026/TT-BKHCN và pháp luật ngân sách nhà nước; Nghị quyết quy định mức chi, không thay thế quy trình phân bổ dự toán.
8	Điều 1, Điều 4 của dự thảo Nghị quyết	Ủy ban nhân dân xã Lạc Phượng (Công văn số 2844/ UBND-	- Tên gọi và Điều 1 dự thảo Nghị quyết sử dụng cụm từ "*sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng*"; Điều 4 quy định "*Kinh phí thực hiện do ngân sách thành phố bảo đảm*"; Bản đánh giá và Bản so sánh, thuyết minh lại dùng cụm từ "*trên địa bàn Thành phố Hải Phòng*". Theo Luật Ngân sách nhà nước, ngân	**Tiếp thu ý kiến**: Thống nhất tên gọi, khoản 1 Điều 1 và Điều 4 theo phạm vi sử dụng ngân sách địa phương, bao gồm các cấp ngân sách theo phân cấp; không dùng "*ngân sách thành phố*" theo cách có thể hiểu

		VHXH ngày 22/10/2026)	sách địa phương trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp gồm ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã; cụm từ "*ngân sách thành phố*" vì vậy có thể được hiểu là chỉ ngân sách cấp thành phố. - Phần lớn nội dung chi tại dự thảo (*xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương, hoạt động thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại*) thuộc nhiệm vụ của cấp thành phố. Tuy nhiên, nội dung xây dựng tiêu chuẩn cơ sở do cơ quan nhà nước công bố (*khoản 5 Điều 3*) có thể phát sinh tại cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã. Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ Nghị quyết có áp dụng đối với nhiệm vụ do ngân sách cấp xã bảo đảm hay không, thống nhất một cách gọi trong toàn bộ hồ sơ và sửa Điều 4 như sau: "*Kinh phí thực hiện Nghị quyết được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp quản lý ngân sách 2 hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có)*" - Điều 4 dự thảo Nghị quyết chưa thống nhất với Bản thuyết minh (nêu dự thảo "*kế thừa quy định tại Điều 4 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN*", gồm cả nguồn kinh phí hợp pháp ngoài ngân sách) và với mục II.3.4 Bản đánh giá (nêu nguồn "*kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*"). Đề nghị chỉnh lý các tài liệu này thống nhất với nội dung Điều 4 sau khi hoàn thiện	chỉ ngân sách cấp thành phố. Chỉnh lý tương ứng Tờ trình, Bản so sánh và Bản đánh giá tác động. Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và khoản 8 Điều 3 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN.
	Về tên gọi của Nghị quyết		Tên dự thảo Nghị quyết lặp cụm từ "*ngân sách nhà nước*" hai lần ("*mức chi ngân sách nhà nước ... sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng*"); phần "*Xét Tờ trình*" lại ghi "*có sử dụng ngân sách nhà nước*". Đề nghị sửa tên Nghị quyết thành: "*Nghị quyết quy định*	**Tiếp thu ý kiến**: Rút gọn tên Nghị quyết, bỏ việc lặp cụm "ngân sách nhà nước"; chỉnh lý đồng bộ tên tại dự thảo Nghị quyết, Tờ

			mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng", phù hợp với cụm từ "*thuộc phạm vi quản lý*" tại khoản 8 Điều 3 Thông tư số 23/2026/TTBKHCN, và sử dụng thống nhất tên gọi này trong Nghị quyết, Tờ trình và các tài liệu kèm theo	trình, Bản so sánh và Bản đánh giá tác động. Nội dung tên phải phản ánh đúng thẩm quyền quyết định mức chi theo khoản 8 Điều 3 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN.
	Điều 2 của dự thảo Nghị quyết (đối tượng áp dụng)		Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết gộp hai nhóm đối tượng ("*Đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm cả tổ chức khoa học và công nghệ công lập và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan*"), trong khi Bản so sánh ghi khoản 2 là "*Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan*" và mục IV.1.2 Tờ trình chỉ ghi "*Đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm cả tổ chức khoa học và công nghệ công lập*". Đề nghị tách thành ba khoản riêng (*cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan đến hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật theo khoản 1 Điều 6 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP; đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm cả tổ chức khoa học và công nghệ công lập; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan*) và thống nhất nội dung này giữa dự thảo Nghị quyết, Tờ trình và Bản so sánh	**Tiếp thu ý kiến một phần**: Phần đối tượng áp dụng không bị trùng lặp phù hợp với TT 23/2026/TT-BKHCN. Khoản 1 Điều 6 Nghị định 22/2026/NĐ-CP là căn cứ về chủ thể tham gia hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; việc liệt kê không làm phát sinh quyền được bố trí kinh phí khi chưa được giao nhiệm vụ.
	Khoản 2 Điều 3 thảo Nghị quyết		a) Điểm đ quy định tiền công biên soạn dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật "*bằng 60% mức chi được quy định tại điểm c và d khoản này*", chưa phân biệt rõ trường hợp đơn ngành và liên ngành. Bản so sánh và Bảng dự kiến kinh phí đã xác định mức cụ thể là 24.000.000 đồng/01 dự thảo (*đơn ngành, lĩnh vực*) và 48.000.000 đồng/01 dự thảo (*liên ngành*). Đề nghị quy định cụ thể hai mức chi này tại dự thảo Nghị quyết để	**Tiếp thu ý kiến**: Về yêu cầu thống nhất kỹ thuật, giữ quy định theo tỷ lệ tại điểm d, đ khoản 2 Điều 3 để thể hiện quan hệ với mức chi gốc; bảng dự kiến kinh phí phải quy đổi đúng ra số tiền và nêu phép tính. Không dùng bảng tính để thay đổi mức chi đã quy định trong Nghị

			thuận lợi khi áp dụng. b) Các điểm i (dịch dự thảo sang tiếng Anh: 300.000 đồng/trang A4), điểm k 3 (lấy ý kiến các nước thành viên WTO: 500.000 đồng/kết quả trả lời) và điểm m (đăng tải hồ sơ: 1.000.000 đồng/hồ sơ/nơi đăng tải) đã được quy định tại dự thảo Nghị quyết nhưng Bản so sánh chưa thể hiện nội dung tương ứng của Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN và chưa thuyết minh. Ký hiệu các điểm trong Bản so sánh (h, i, m) cũng không khớp với dự thảo Nghị quyết (g, h, l). Đề nghị cập nhật Bản so sánh theo dự thảo Nghị quyết phiên bản ngày 15/10/2026, nêu rõ điều, khoản của Thông tư làm căn cứ đối với từng mức chi.	quyết.
	Khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị quyết		Nội dung "*Tiền công lập báo cáo kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả quy chuẩn kỹ thuật: 5.000.000 đồng/01 báo cáo*" đang được trình bày như một dòng thuộc điểm b (*chi hội thảo chuyên đề góp ý*). Đây là nội dung chi độc lập, được quy định tại khoản 4 Điều 17 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN và đã được tách thành mục riêng tại Bảng dự kiến kinh phí. Đề nghị tách thành điểm c khoản 4 Điều 3.	Tiếp thu và bổ tách thành điểm c khoản 4 Điều 3
	Khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị quyết		a) Điểm a quy định mức chi "*bằng 70% mức chi nội dung tương tự được quy định tại điểm a, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 15 Thông tư 23/2026/TTBKHCN*". Điều 15 Thông tư là quy định về tiêu chuẩn quốc gia, nội dung mà dự thảo Nghị quyết không quy định; trong đó điểm a khoản 1 Điều 15 xác định tiền công theo hệ số và mức thù lao của các chức danh, không phải một mức tiền cụ thể. Bảng dự kiến kinh phí đã quy đổi thành 350.000 đồng/ngày công (*lấy mẫu nhỏ lẻ*) và 700.000 đồng/ngày công (*phân tích, thử nghiệm, biên soạn báo cáo kết quả*). Đề nghị quy định cụ thể các mức này tại	**Tiếp thu ý kiến**: Chỉnh lý điểm a, e khoản 5 Điều 3 theo hướng "bằng 70% mức chi tối đa" của nội dung tương ứng tại khoản 1 Điều 15 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN. Bảng dự toán phải quy đổi theo từng chức danh, ngày công hoặc sản phẩm tương ứng để tránh áp dụng một tỷ lệ chung sai đối tượng.

			dự thảo Nghị quyết; đối với nội dung tại điểm a khoản 1 Điều 15 thì nêu rõ cách xác định, đồng thời ghi đầy đủ "*Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN*". b) Điểm e chỉ quy định mức chi "*cho thành viên hội đồng bằng 70% mức chi đối với thành viên họp hội đồng thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia*". Điểm n khoản 1 Điều 15 Thông tư quy định nhiều chức danh và mức chi khác nhau (*Chủ tịch hội đồng, ủy viên phản biện, ủy viên, phiếu nhận xét của ủy viên phản biện và của ủy viên*). Bảng dự kiến kinh phí đã áp dụng 70% cho tất cả các chức danh này (1.050.000 đồng; 700.000 đồng; 490.000 đồng; 350.000 đồng/phiếu; 210.000 đồng/phiếu), rộng hơn nội dung dự thảo Nghị quyết. Đề nghị quy định cụ thể mức chi cho từng chức danh và từng loại phiếu để tránh cách hiểu khác nhau khi lập và kiểm soát dự toán.	
	Về khoản 6 Điều 3 dự thảo Nghị quyết		Điểm đ và điểm e quy định mức chi cho "*Ban liên ngành*" nhưng chưa xác định Ban liên ngành nào. Đề nghị ghi rõ tên Ban liên ngành theo quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền của thành phố để bảo đảm chi đúng đối tượng	**Tiếp thu ý kiến**: Rà soát khoản 6 Điều 3 để làm rõ chủ thể, sản phẩm được thanh toán và nguyên tắc không chi tiền công hai lần cho cùng nhiệm vụ. Tham khảo điểm g khoản 6 Điều 3 Nghị quyết 42/2026/NQ-HĐND của Thành phố Hồ Chí Minh; trước khi bổ sung quy định loại trừ phải đối chiếu chế độ tiền công hiện hành và tính hợp pháp của phạm vi đối tượng.
	Điều 5 dự thảo Nghị quyết		a) Về hiệu lực: dự thảo Tờ trình dự kiến trình Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp thường lệ tháng 12/2026. Đề nghị xác định thời điểm có hiệu lực từ ngày 01/01/2027 để phù hợp với năm ngân sách.	**Tiếp thu ý kiến**: Rà soát Điều 5. Đối với quy định chuyển tiếp, chỉ bổ sung nếu có trường hợp nhiệm vụ, dự

			b) Về chuyển tiếp: Bản so sánh nêu "*không có nội dung nào chuyển tiếp*"; tuy nhiên, Điều 31 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN đã quy định chuyển tiếp đối với dự toán đã được phê duyệt trước ngày Thông tư có hiệu lực, và trên thực tế có thể có nhiệm vụ đã được phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết có hiệu lực. Đề nghị bổ sung khoản: "*Các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo dự toán đã được phê duyệt*". c) Khoản 2 Điều 5 viết "*các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn để áp dụng Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN*" là chưa rõ nghĩa. Đề nghị sửa thành: "*Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó*".	toán đã phê duyệt trước ngày Nghị quyết có hiệu lực cần xử lý; đối chiếu điều khoản chuyển tiếp của Thông tư 23/2026/TT-BKHCN, tránh tự đặt cơ chế trái quy định cấp trên. Chỉnh lý khoản 2 Điều 5 theo góp ý về văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.
	Về bảng dự kiến kinh phí		1. Mục 3 điểm g (*họp tổ soạn thảo, hội thảo*): công thức nhân chi dịch dự thảo (*50 trang, 15,0 triệu đồng*) và chi lấy ý kiến các nước thành viên WTO (*2,0 triệu đồng*) với 3 cuộc họp của mỗi quy chuẩn kỹ thuật, tức mỗi dự thảo được tính dịch và lấy ý kiến WTO 3 lần. Nếu tính 01 lần cho mỗi dự thảo, kinh phí mục này giảm khoảng 136 triệu đồng. 2. Mục 3 điểm e, f (*đánh giá tác động*): tính 04 báo cáo đối với dự thảo mới và 04 báo cáo đối với dự thảo sửa đổi, bổ sung, trong khi số lượng dự thảo dự kiến là 02 dự thảo mới (*đơn ngành, liên ngành*) và 02 dự thảo sửa đổi, bổ sung. Nếu tính theo số dự thảo, kinh phí giảm 32 triệu đồng. 3. Mục 3 điểm l, m: chi đăng tải hồ sơ ghi "*4 hồ sơ x*	**Tiếp thu ý kiến**: Rà soát lại phép tính, đơn vị tính và căn cứ xác định khối lượng đối với từng khoản chi trong bảng dự kiến kinh phí; sửa công thức tính chi dịch thuật, lấy ý kiến WTO và chi hội thảo theo đúng mức chi, số lượng thực tế. Nội dung này được chỉnh tại bảng dự kiến kinh phí kèm Tờ trình, không sửa mức chi tại Điều 3 nếu không có sai lệch về định mức.

			2 lần đăng tải" (08 lượt) nhưng công thức tiếp tục nhân với 4 hội đồng (32 lượt), cao hơn khoảng 24 triệu đồng; chi lấy ý kiến của thành viên vắng mặt chưa được tính. 4. Mục 7 điểm c (*hội thảo xây dựng tiêu chuẩn cơ sở*): công thức dẫn chiếu ô số lượng của mục 1 (01) thay vì số lượng của mục này (03 tiêu chuẩn), nên kinh phí mới tính 10,2 triệu đồng thay vì 30,6 triệu đồng. 5. Mục 8 điểm d (*họp tham vấn về hàng rào kỹ thuật trong thương mại*): công thức chưa nhân với số cuộc họp (02), nên kinh phí mới tính 4,6 triệu đồng thay vì 9,2 triệu đồng. - Bảng dự kiến kinh phí tính 04 quy chuẩn kỹ thuật/năm, trong khi Tờ trình nêu giai đoạn 2014 - 2024 thành phố (bao gồm cả tỉnh Hải Dương trước đây) ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật địa phương. Đề nghị bổ sung cơ sở xác định số lượng nhiệm vụ dự kiến (*theo kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương, kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn cơ sở nếu có*); hoàn thiện cột "*Số lượng năm 2026*" đang để trống và đánh số lại các mục (*hai mục cùng ký hiệu "d" tại mục 3, số thứ tự chuyển từ mục 4 sang mục 7*).	
	Đối với dự thảo tờ trình và các tài liệu kèm theo		1.Mục VI.1 dự thảo Tờ trình nêu căn cứ tính kinh phí gồm cả nhiệm vụ "*quản lý, đánh giá hệ thống quản lý chất lượng*", không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết. Đề nghị bỏ nội dung này. 2. Mục IV.2 dự thảo Tờ trình ghi tên Điều 3 là "*Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn*', khác với dự thảo Nghị quyết ("*Mức chi cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật*"); Bản so sánh ghi "*Điều 6. Hiệu lực thi hành*" và "*Điều 7. Tổ chức thực hiện*", trong khi dự thảo Nghị quyết chỉ có 06 điều (*Điều 5.*	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu ý kiến, chỉnh lý tên Điều 3 của Tờ trình đồng thời rà soát thống nhất, đồng bộ thông tin trong các tài liệu, Cắt bỏ câu kết "Sở Khoa học và Công nghệ xin kính trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định" để phù hợp với tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố.

			Điều khoản thi hành; Điều 6. Tổ chức thực hiện). Đề nghị cập nhật đồng bộ các tài liệu theo dự thảo Nghị quyết cuối cùng. 3. Đoạn kết dự thảo Tờ trình có câu "*Sở Khoa học và Công nghệ xin kính trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định*", không phù hợp với Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố. Đề nghị bỏ câu này.	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
9	Hồ sơ dự thảo	Thanh tra thành phố (Công văn số 3113/TTTP-NV8 ngày 26/10/2026)	(1) Tên gọi của dự thảo Nghị quyết chưa thống nhất trong hồ sơ. Đề nghị chỉnh sửa thống nhất trong toàn bộ hồ sơ. (2) Bản so sánh, thuyết minh và Tờ trình chưa cập nhật theo dự thảo Nghị quyết gửi lấy ý kiến: Cột dự thảo Nghị quyết tại khoản 2 Điều 3 của Bản so sánh, thuyết minh có nội dung không khớp từ d đến điểm m so với khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết; Bản so sánh, thuyết minh không có nội dung thuyết minh đối với điểm i, điểm k, điểm m khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết; Trong Bản so sánh, thuyết minh có 07 điều, dự thảo Nghị quyết có 06 điều, Mục IV Tờ trình ghi tên Điều 3 là "*Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn*", không thống nhất với tên Điều 3 dự thảo Nghị quyết. Đề nghị cập nhật Bản so sánh, thuyết minh và Tờ trình theo đúng dự thảo Nghị quyết. (3) Khoản 8 Điều 3 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN quy định định mức chi tại Thông tư là định mức tối đa; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức chi "*bảo đảm phù hợp với đặc thù hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật của địa phương và khả năng cân đối ngân sách được giao*". Dự thảo Nghị 2 quyết lựa chọn 100% mức chi tối đa đối với toàn bộ nội dung chi tại Điều 3; Tờ trình, Bản so sánh, thuyết minh nêu việc lựa chọn này phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhưng hồ sơ gửi kèm chưa có số liệu đánh giá khả năng cân đối ngân sách thành phố. Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá này và ý kiến của Sở Tài chính theo mục 4 Công văn số 5000/SKHCN-CCTĐC, làm cơ sở để Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.	**Tiếp thu ý kiến**: Rà soát hồ sơ dự thảo. Chỉnh lý trực tiếp nội dung tương ứng trong dự thảo Nghị quyết và cập nhật đồng bộ Tờ trình, Bản so sánh, thuyết minh, Bảng dự kiến kinh phí (nếu liên quan). Căn cứ khoản 8 Điều 3 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN; chỉ quy định mức chi thuộc thẩm quyền HĐND, không lặp hoặc mở rộng chế độ đã được văn bản cấp trên quy định.

	Về công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí, Khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị quyết		Đề nghị sửa khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị quyết thành: "1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đúng mục đích, đúng nội dung chi và mức chi quy định tại Nghị quyết này; chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện; tổng hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp".	**Tiếp thu ý kiến một phần**: Chỉnh khoản 1 Điều 6 theo hướng giao UBND thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo cơ quan, đơn vị thực hiện theo phân cấp ngân sách và nhiệm vụ được giao. Không quy định thêm trình tự hướng dẫn, kiểm tra, báo cáo riêng nếu đã thuộc trách nhiệm quản lý ngân sách theo pháp luật hiện hành.
	Điều 3 dự thảo Nghị quyết		(1) Điểm a khoản 5 Điều 3 quy định mức chi đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu, lấy mẫu phân tích, thử nghiệm của dự thảo tiêu chuẩn cơ sở "*bằng 70% mức chi nội dung tương tự được quy định tại điểm a, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 15 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN*". Trong khi đó, điểm a khoản 1 Điều 15 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN quy định thù lao theo hệ số, phương pháp xác định và mức thù lao của các chức danh, không quy định mức tiền cụ thể; điểm c quy định chi mua mẫu, vật tư, hóa chất "*căn cứ khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) hoặc giá niêm yết hoặc báo giá liên quan*", riêng tiền công lấy mẫu nhỏ lẻ tối đa 500.000 đồng/ngày công; điểm d quy định tiền công tối đa 1.000.000 đồng/ngày công. Quy định chung "*bằng 70%*" chưa xác định được mức chi để lập, thẩm định dự toán đối với các khoản chi theo hệ số thù lao hoặc theo giá niêm yết, báo giá. Đề nghị quy định cụ thể và làm rõ cách xác định mức chi đối với các khoản chi. (2) Điểm e khoản 5 Điều 3 quy định thẩm tra theo phương pháp hội đồng "*áp dụng mức chi cho thành viên hội đồng bằng 70% mức chi đối với thành viên họp hội đồng thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia quy định tại điểm n*	Tiếp thu và điều chỉnh

			khoản 1 Điều 15 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN", trong khi điểm n khoản 1 Điều 15 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN quy định mức chi riêng cho Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên phản biện, Ủy viên và phiếu nhận xét của ủy viên phản biện, ủy viên, không có chức danh "*thành viên*". Đề nghị quy định cụ thể mức chi theo từng chức danh và từng loại phiếu. (3) Điểm a, điểm b, điểm c khoản 6 Điều 3 quy định tiền công lập báo cáo phân tích, đánh giá tác động liên quan đến biện pháp TBT 10.000.000 đồng/báo cáo nhưng chưa thể hiện khoản 4 Điều 23 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN: "*Công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước của đơn vị chủ trì khi được giao thực hiện nhiệm vụ phân tích, đánh giá tác động các vấn đề TBT và quan ngại thương mại đối với các biện pháp TBT không được áp dụng mức chi tiền công quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều này*". Đề nghị bổ sung nội dung tương ứng vào khoản 6 Điều 3 dự thảo Nghị quyết làm căn cứ kiểm soát chi, kiểm tra, quyết toán và rà soát lại dự toán đối với các báo cáo do công chức, viên chức của đơn vị chủ trì thực hiện	
	Điều 4 dự thảo Nghị quyết		Điều 4 quy định: "*Kinh phí thực hiện do ngân sách thành phố bảo đảm*", chưa thống nhất với Điều 4 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN. Đề nghị sửa Điều 4 thành: "*Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số bố trí trong dự toán hằng năm của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp quản lý ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN*", đồng thời chỉnh sửa thống nhất trong Tờ trình, Bản so sánh, thuyết minh và Bản đánh giá thủ tục hành chính.	**Tiếp thu ý kiến**: Rà soát điều 4 dự thảo nghị quyết. Chỉnh lý trực tiếp nội dung tương ứng trong dự thảo Nghị quyết và cập nhật đồng bộ Tờ trình, Bản so sánh, thuyết minh, Bảng dự kiến kinh phí (nếu liên quan). Căn cứ khoản 8 Điều 3 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN; chỉ quy định mức chi thuộc thẩm quyền HĐND, không lặp hoặc mở rộng chế độ đã được văn

				bản cấp trên quy định. Nội dung này cần đối chiếu lần cuối trước khi xác nhận đã tiếp thu.
10	Điều 1 khoản 1 dự thảo Nghị quyết	Trường Đại học Hải Phòng (Công văn số 4762/ĐHHP-KHCN&HTQT ngày 26/10/2026)	Đề nghị bỏ cụm "*thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tại khoản 8 Điều 3 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN*" và diễn đạt trực tiếp phạm vi điều chỉnh; đồng thời thống nhất cụm "*quản lý, sử dụng*" trong toàn bộ hồ sơ	Tiếp thu và điều chỉnh
	Điều 2 dự thảo Nghị quyết		Điều 2, Nghị Quyết: Đề nghị rà soát, gộp và làm rõ đối tượng áp dụng; tránh trùng lặp giữa khoản 1 và khoản 2. Có thể quy định: "*Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sử dụng ngân sách thành phố Hải Phòng*"	**Tiếp thu ý kiến** Rà soát điều 2 dự thảo nghị quyết. Chỉnh lý trực tiếp nội dung tương ứng trong dự thảo Nghị quyết và cập nhật đồng bộ Tờ trình, Bản so sánh, thuyết minh, Bảng dự kiến kinh phí (nếu liên quan). Căn cứ khoản 8 Điều 3 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN; chỉ quy định mức chi thuộc thẩm quyền HĐND, không lặp hoặc mở rộng chế độ đã được văn bản cấp trên quy định.
	Điều 3 dự thảo Nghị quyết		1. Điểm b Khoản 2 Điều 3, Nghị Quyết: Đề nghị tách các sản phẩm công việc và quy định căn cứ xác định số ngày công tối đa hoặc yêu cầu dự toán phải thuyết minh khối lượng, số ngày công được phê duyệt. 2. Điểm đ Khoản 2 Điều 3, Nghị Quyết: Đề nghị tách rõ mức chi sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật đơn ngành và liên ngành, lần lượt bằng 60% mức tại điểm c và điểm d. 3. Điểm g, Khoản 2 Điều 3, Nghị Quyết: Đề nghị thay chức danh "*Chủ trì*" bằng "*Chủ trì cuộc họp/hội thảo*"; rà	**Tiếp thu ý kiến**: Rà soát điều 3 dự thảo nghị quyết. Chỉnh lý trực tiếp nội dung tương ứng trong dự thảo Nghị quyết và cập nhật đồng bộ Tờ trình, Bản so sánh, thuyết minh, Bảng dự kiến kinh phí (nếu liên quan). Căn cứ khoản 8 Điều 3 Thông tư

			soát thống nhất với bảng dự toán đang ghi "Chủ tịch Hội đồng". 4. Điểm h Khoản 2 Điều 3, Nghị Quyết: Đề nghị quy định rõ "*bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý*" và điều kiện thanh toán theo sản phẩm được nghiệm thu. 5. Điểm k Khoản 2 Điều 3, Nghị Quyết: Đề nghị làm rõ phạm vi chi và sản phẩm thanh toán; cân nhắc diễn đạt "*500.000 đồng/ý kiến được trả lời và được nước thành viên chấp thuận*" thay cho "*một kết quả trả lời*" 6. Điểm m Khoản 2 Điều 3, Nghị Quyết: Đề nghị làm rõ số lần và nơi đăng tải được thanh toán, tránh tính trùng giữa Cổng thông tin điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia. 7. Khoản 4 Điều 3, Nghị Quyết: Đề nghị bổ sung ký hiệu điểm c trước nội dung "*Tiền công lập báo cáo kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả quy chuẩn kỹ thuật*" 8. Điểm a Khoản 5 Điều 3, Nghị Quyết: Đề nghị dẫn đúng các nội dung tương tự trong Thông tư số 23/2026/TTBKHCN và nêu rõ mức 70% áp dụng riêng cho từng loại công việc. 9. Điểm e Khoản 5 Điều 3, Nghị Quyết: Đề nghị quy định cụ thể mức chi từng thành viên khi thẩm tra theo phương pháp hội đồng hoặc lập bảng dẫn chiếu rõ ràng, thay vì chỉ viện dẫn chung "bằng 70%" 10. Khoản 6, Điều 3, Nghị Quyết: Đề nghị thống nhất tên hoạt động là "*thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) tại địa phương*". 11. Điều 3, Nghị Quyết: Đề nghị bổ sung nguyên tắc các mức chi là mức tối đa; mức chi thực tế căn cứ nội dung, khối lượng, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, khả năng cân đối ngân sách; không chi trùng lặp.	23/2026/TT-BKHCN; chỉ quy định mức chi thuộc thẩm quyền HĐND, không lặp hoặc mở rộng chế độ đã được văn bản cấp trên quy định.
	Điều 4 dự thảo Nghị quyết		Điều 4, Nghị Quyết: Đề nghị diễn đạt đầy đủ: "*Kinh phí thực hiện Nghị quyết do ngân sách thành phố bảo đảm và được bố trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm theo*	**Tiếp thu ý kiến một phần**: Sửa Điều 4 theo hướng kinh phí bố trí trong dự toán chi

			phân cấp ngân sách hiện hành".	ngân sách nhà nước hằng năm lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, theo phân cấp ngân sách và trong phạm vi dự toán được giao. Không quy định ngân sách cấp thành phố bảo đảm toàn bộ nhiệm vụ phát sinh tại cấp xã.
	Khoản 2 Điều 5		Khoản 2 Điều 5, Nghị Quyết: Đề nghị sửa câu, bổ sung dấu câu và dùng đúng công thức viện dẫn: "*Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế*".	Tiếp thu và điều chỉnh
	Khoản 1, Điều 6		Khoản 1, Điều 6, Nghị Quyết: Đề nghị giao Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn, tổ chức thực hiện; định kỳ tổng hợp, đánh giá tình hình sử dụng kinh phí và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố.	**Tiếp thu ý kiến một phần**: Chỉnh khoản 1 Điều 6 theo hướng giao UBND thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo cơ quan, đơn vị thực hiện theo phân cấp ngân sách và nhiệm vụ được giao. Không quy định thêm trình tự hướng dẫn, kiểm tra, báo cáo riêng nếu đã thuộc trách nhiệm quản lý ngân sách theo pháp luật hiện hành.
	Dự thảo Tờ trình		Mục II.2: Đề nghị sửa "*bám sát bám sát*" thành "*bám sát*"; "*thẩm quyền*" thành "*thẩm quyền*"; rà soát lỗi chính tả và định dạng toàn bộ hồ sơ. Mục IV: Đề nghị thống nhất mô tả Điều 3 với tên điều trong dự thảo là "*Mức chi cho hoạt động tiêu chuẩn hoạt động quy chuẩn kỹ thuật*", không dùng "*Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn*".	**Tiếp thu ý kiến**: Rà soát, sửa các lỗi chính tả, thuật ngữ, số điều, khoản, điểm trong Tờ trình, Bản so sánh và dự thảo Nghị quyết trước khi gửi thẩm định.

			Mục VI: Đề nghị kiểm tra lại tổng kinh phí 954,05 triệu đồng/năm và bổ sung thuyết minh giả định tính toán, số lượng nhiệm vụ, số người, số buổi, số ngày công, số lần đăng tải; đồng thời phân biệt số liệu năm 2026 và dự kiến năm 2027	
	Bản so sánh, thuyết minh		Bản so sánh, thuyết minh: Đề nghị rà soát, chỉnh lý toàn diện để bảo đảm thống nhất với dự thảo Nghị quyết và các tài liệu trong hồ sơ; cụ thể: thống nhất tên Nghị quyết, tên và số thứ tự các điều; sửa Điều 2 bị lặp số "*2*"; thống nhất đối tượng áp dụng; bổ sung đầy đủ nội dung phổ biến quy chuẩn kỹ thuật; thống nhất ký hiệu các điểm tại khoản 2 Điều 3; sửa lỗi "*quy chuẩn kỹ thuật thuật*"; làm rõ căn cứ lựa chọn mức chi tối đa; bổ sung thuyết minh đối với từng nội dung không đưa vào dự thảo; rà soát nguồn kinh phí và sửa lỗi chính tả, trình bày.	**Tiếp thu ý kiến**: Rà soát bản so sánh, thuyết minh. Chỉnh lý trực tiếp nội dung tương ứng trong dự thảo Nghị quyết và cập nhật đồng bộ Tờ trình, Bản so sánh, thuyết minh, Bảng dự kiến kinh phí (nếu liên quan). Căn cứ khoản 8 Điều 3 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN; chỉ quy định mức chi thuộc thẩm quyền HĐND, không lặp hoặc mở rộng chế độ đã được văn bản cấp trên quy định.
11	Sự thống nhất giữa Bản so sánh, thuyết minh và Dự thảo Nghị quyết	Phân viện Hải Dương học tại Hải Phòng (Công văn số 157-CV/PVHDH)	Đề nghị rà soát, chỉnh lý toàn bộ Bản so sánh, thuyết minh để bảo đảm thống nhất với Dự thảo Nghị quyết hiện hành về số lượng điều, tên điều, thứ tự điều và nội dung đối chiếu. Cụ thể, Bản so sánh hiện thể hiện Dự thảo có Điều 6 về hiệu lực thi hành và Điều 7 về tổ chức thực hiện, trong khi Dự thảo Nghị quyết hiện hành gồm 6 Điều, trong đó Điều 5 là Điều khoản thi hành và Điều 6 là Tổ chức thực hiện. Đề nghị kiểm tra lại toàn bộ phần đối chiếu Điều 30, Điều 31, Điều 32 của Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN với các điều tương ứng của Dự thảo để tránh sai lệch giữa các tài liệu trong hồ sơ.	**Tiếp thu ý kiến**: Chỉnh Bản so sánh, thuyết minh theo đúng kết cấu 06 điều của dự thảo Nghị quyết; đối chiếu từng nội dung chi, mức chi và căn cứ tương ứng tại Điều 3, bảo đảm thống nhất giữa các tài liệu hồ sơ.
	Sự thống nhất giữa Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết		Tại phần dự kiến kinh phí thực hiện, Tờ trình đưa "*quản lý, đánh giá hệ thống quản lý chất lượng*" vào nhóm nhiệm vụ làm cơ sở xác định nhu cầu kinh phí hăng năm. Trong khi đó, Điều 3 Dự thảo Nghị quyết không quy định	**Tiếp thu ý kiến**: Loại nội dung "quản lý, đánh giá hệ thống quản lý chất

			nhóm nội dung chi tương ứng với "*quản lý, đánh giá hệ thống quản lý chất lượng*". Đề nghị rà soát, thống nhất nội dung này. Trường hợp nội dung trên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết thì đề nghị loại khỏi phần căn cứ xác định nhu cầu kinh phí; trường hợp có căn cứ để đưa vào thì cần làm rõ cơ sở pháp lý và khoản chi tương ứng trong Dự thảo Nghị quyết.	lượng" khỏi căn cứ tính nhu cầu kinh phí của Nghị quyết nếu không thuộc các hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được điều chỉnh tại Thông tư 23/2026/TT-BKHCN; điều chỉnh lại bảng dự kiến kinh phí và Tờ trình.
	Dự kiến kinh phí thực hiện		Đề nghị rà soát lại toàn bộ bảng dự kiến kinh phí, bảo đảm sự phù hợp giữa nội dung chi, số lượng nhiệm vụ, đơn vị tính, mức chi và công thức tính toán. Cần đặc biệt rà soát các nội dung sau: Tại khoản chi hội thảo góp ý hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn cơ sở, số lượng dự kiến là 03 tiêu chuẩn cơ sở và 02 hội thảo/tiêu chuẩn, nhưng công thức tính tại dòng 45 lại sử dụng ô G4 thay vì ô G40 là ô thể hiện số lượng 03 tiêu chuẩn cơ sở. Tại khoản chi họp tham vấn TBT, số lượng dự kiến là 02 cuộc họp nhưng công thức tại dòng 62 chưa nhân với số lượng 02 cuộc họp. Tại khoản chi thẩm tra dự thảo tiêu chuẩn cơ sở, Dụ thảo Nghị quyết quy định hai phương thức thẩm tra là phương pháp hội đồng hoặc phương pháp chuyên gia, trong khi công thức tại dòng 51 đang cộng đồng thời các khoản chi của cả hai phương thức. Đề nghị xác định rõ phương thức được sử dụng để tính nhu cầu kinh phí hoặc xây dựng cách tính phù hợp, tránh tính đồng thời hai phương thức cho cùng một nhiệm vụ. Tại khoản chi họp Hội đồng thẩm định quy chuẩn kỹ thuật, công thức tại dòng 28 đang tham chiếu mức chi tại dòng 32, trong khi nội dung "*ý kiến bằng văn bản của thành viên Hội đồng vắng mặt*""nằm tại dòng 31. Đồng thời, cần xác định rõ số lượng thành viên vắng mặt làm căn cứ tính khoản chi này. Đề nghị kiểm tra cả các khoản chi đã được quy định trong Điều 3 Dự thảo nhưng chưa được tính độc lập trong tổng nhu cầu kinh phí, bảo đảm không bỏ sót, tính trùng	**Tiếp thu ý kiến**: Rà soát từng dòng bảng dự kiến kinh phí về nội dung nhiệm vụ, số lượng, đơn vị tính, mức chi và công thức; chỉ giữ khoản thuộc phạm vi Điều 1, Điều 3 dự thảo và các nội dung tương ứng của Thông tư 23/2026/TT-BKHCN. Điều chỉnh tổng kinh phí sau khi sửa số liệu.

			hoặc sử dụng sai số lượng. Sau khi rà soát, đề nghị cập nhật lại tổng nhu cầu kinh phí và thống nhất số liệu giữa bảng Excel, Tờ trình và các tài liệu liên quan. Con số 954,05 triệu đồng/năm chỉ nên được chốt sau khi hoàn thành việc kiểm tra và hiệu chỉnh bảng tính.	
	Về cơ sở xác định nhu cầu kinh phí hằng năm Tờ trình xác định nhu cầu kinh phí hằng năm trên		Tờ trình xác định nhu cầu kinh phí hằng năm trên cơ sở số lượng nhiệm vụ chuyên môn dự kiến triển khai sau khi Nghị quyết được phê duyệt và nêu mức 954,05 triệu đồng/năm. Đề nghị thuyết minh rõ cơ sở xác định số lượng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn 3 cơ sở, báo cáo đánh giá tác động, số cuộc họp, số phiếu ý kiến chuyên gia và các hoạt động TBT được sử dụng trong bảng tính. Đồng thời, cần phân biệt rõ số liệu giả định phục vụ đánh giá tác động ngân sách với khối lượng nhiệm vụ thực tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai trong từng năm.	**Tiếp thu ý kiến**: Rà soát về cơ sở xác định nhu cầu kinh phí hằng năm tờ trình xác định nhu cầu kinh phí hằng năm trên. Chỉnh lý trực tiếp nội dung tương ứng trong dự thảo Nghị quyết và cập nhật đồng bộ Tờ trình, Bản so sánh, thuyết minh, Bảng dự kiến kinh phí (nếu liên quan). Căn cứ khoản 8 Điều 3 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN; chỉ quy định mức chi thuộc thẩm quyền HĐND, không lặp hoặc mở rộng chế độ đã được văn bản cấp trên quy định.
	Về đối tượng áp dụng		Đề nghị rà soát khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết để tránh trùng lặp về đối tượng áp dụng. Khoản 1 đã quy định các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan, trong khi khoản 2 tiếp tục quy định đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Đề nghị chỉnh lý theo hướng ngắn gọn, rõ ràng, không trùng lặp và bảo đảm phù hợp với khoản 1 Điều 6 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.	Tiếp thu và điều chỉnh
	Về cơ sở thực tiễn đối với các quy chuẩn kỹ thuật địa		Tờ trình nêu thành phố đã xây dựng, ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật địa phương, trong đó có QCĐP 01:2021/HD. Đề nghị rà soát, làm rõ nguồn gốc, cơ quan ban hành, thời điểm ban hành và tình trạng hiệu lực của	Tiếp thu và điều chỉnh Kiểm tra lại văn bản ban hành, ký hiệu, cơ quan ban hành và hiệu lực của từng quy chuẩn kỹ

	phương		QCĐP 01:2021/HD; đồng thời làm rõ cơ sở đưa quy chuẩn này vào số liệu thực tiễn của thành phố Hải Phòng hiện nay, bảo đảm thông tin trong Tờ trình chính xác và phù hợp với tình trạng pháp lý của quy chuẩn sau sắp xếp đơn vị hành chính.	thuật địa phương được dẫn trong Tờ trình, trong đó có QCĐP 01:2021/HD; chỉ giữ số liệu 03 quy chuẩn sau khi đối chiếu đầy đủ hồ sơ gốc.
	Về hoạt động thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại		Đề nghị làm rõ hơn trong Tờ trình và Bản thuyết minh về cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng thông báo và hỏi đáp TBT tại địa phương, cơ sở thực tiễn và nhu cầu dự kiến phát sinh đối với từng nhóm hoạt động, đồng thời bảo đảm các số lượng bảo cáo, cuộc họp và phiếu ý kiến trong bảng kinh phí có căn cứ và thống nhất với phần thuyết minh.	**Tiếp thu ý kiến**: Bổ sung tại Tờ trình và Bản thuyết minh tên cơ quan thực hiện nhiệm vụ thông báo, hỏi đáp TBT tại địa phương, căn cứ phân công nhiệm vụ và sản phẩm đầu ra dự kiến; làm rõ khoản 6 Điều 3 chỉ áp dụng khi có nhiệm vụ thực tế được giao và dự toán được duyệt.

	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Về hoàn thiện hồ sơ		Đề nghị rà soát lần cuối toàn bộ hồ sơ, bảo đảm thống nhất giữa Dự thảo Nghị quyết, Tờ trình, Bản so sánh, thuyết minh, Bản đánh giá tác động và bảng dự kiến kinh phí về tên nội dung chi, căn cứ pháp lý, đối tượng, đơn vị tính, mức chi, số lượng nhiệm vụ và tổng kinh phí. Đồng thời, đề nghị sửa các lỗi kỹ thuật, lỗi đánh máy còn tồn tại trong Tờ trình, như "*bám sát bám sát*", "*thẩm quyền*", "*Hải phòng*", "*sử dụng ngân sách*"; rà soát cách ghi tên cơ quan, địa danh và thuật ngữ trong toàn bộ hồ sơ. Các thông tin về số, ngày, tháng, năm của văn bản thẩm định và các văn bản liên quan cần được cập nhật đầy đủ trước khi hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, rà soát và hoàn thiện hồ sơ theo các nội dung nêu trên, trong đó ưu tiên xử lý sự không thống nhất giữa Bản so sánh và Dự thảo Nghị quyết, sự không thống nhất giữa Tờ trình và Điều 3 Dự thảo, đồng thời kiểm tra lại toàn bộ bảng dự kiến kinh phí trước khi chốt số liệu trong hồ sơ.	**Tiếp thu ý kiến**: Rà soát về hoàn thiện hồ sơ. Chỉnh lý trực tiếp nội dung tương ứng trong dự thảo Nghị quyết và cập nhật đồng bộ Tờ trình, Bản so sánh, thuyết minh, Bảng dự kiến kinh phí (nếu liên quan). Căn cứ khoản 8 Điều 3 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN; chỉ quy định mức chi thuộc thẩm quyền HĐND, không lặp hoặc mở rộng chế độ đã được văn bản cấp trên quy định.
12	Điều 3 dự thảo Nghị quyết	Trường cao đẳng hàng hải và đường thủy I (Công văn số 1906/CĐHHĐTI-KHTC ngày 27/10/2026)	- Đề nghị bổ sung vào đầu Điều 3: "*Các mức chi quy định tại Điều này là mức chi tối đa. Mức chi thực tế được xác định căn cứ nội dung, khối lượng, tính chất công việc, sản phẩm đầu ra và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong phạm vi kinh phí được giao; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không trùng lặp nội dung chi*"	**Tiếp thu ý kiến**: Rà soát điều 3 dự thảo nghị quyết. Chỉnh lý trực tiếp nội dung tương ứng trong dự thảo Nghị quyết và cập nhật đồng bộ Tờ trình, Bản so sánh, thuyết minh, Bảng dự kiến kinh phí (nếu liên quan). Căn cứ khoản 8 Điều 3 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN; chỉ quy định mức chi thuộc thẩm quyền HĐND, không lặp hoặc mở rộng chế độ

				đã được văn bản cấp trên quy định
	Điều 1, Điều 2 dự thảo Nghị quyết	Trường cao đẳng hàng hải và đường thủy I (Công văn số 1906/CĐHHĐTI-KHTC ngày 27/10/2026)	Đề nghị làm rõ: - Chỉ áp dụng đối với hoạt động, nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý, nhiệm vụ chi của địa phương hoặc được cấp có thẩm quyền giao sử dụng ngân sách thành phố. - Làm rõ việc cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thành phố chỉ thuộc đối tượng áp dụng khi được giao nhiệm vụ sử dụng ngân sách thành phố theo thẩm quyền. - Rà soát, gộp các nhóm đối tượng đang được liệt kê trùng giữa khoản 1 và khoản 2 Điều 2.	**Tiếp thu ý kiến**: Làm rõ tại Điều 1 và Điều 4: mức chi chỉ áp dụng đối với nhiệm vụ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý, nhiệm vụ chi của địa phương hoặc được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí thực hiện theo phân cấp ngân sách và dự toán được duyệt. Các nhiệm vụ ngoài phạm vi này không áp dụng mức chi của Nghị quyết.
	Điểm l khoản 2 Điều 3 Về nội dung chi thẩm định quy chuẩn kỹ thuật		Đề nghị bổ sung hoặc giải thích rõ để tránh thanh toán trùng với kinh phí thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật ban hành quy chuẩn. Đề nghị làm rõ đây là khoản chi cho hoạt động thẩm định nội dung kỹ thuật của dự thảo quy chuẩn, không bao gồm kinh phí thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật ban hành quy chuẩn theo khoản 2 Điều 1 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN.	**Tiếp thu ý kiến**: Rà soát điểm l khoản 2 điều 3 về nội dung chi thẩm định quy chuẩn kỹ thuật. Chỉnh lý trực tiếp nội dung tương ứng trong dự thảo Nghị quyết và cập nhật đồng bộ Tờ trình, Bản so sánh, thuyết minh, Bảng dự kiến kinh phí (nếu liên quan). Căn cứ khoản 8 Điều 3 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN; chỉ quy định mức chi thuộc thẩm quyền HĐND, không lặp hoặc mở rộng chế độ đã được văn bản cấp trên quy định.
	Về căn cứ xác định ngày công và kiểm soát nội dung chi trùng		Đối với mức 500.000 đồng/ngày công và 1.000.000 đồng/ngày công tại điểm a, b khoản 2 Điều 3, đề nghị quy định hoặc dẫn chiếu rõ: - Số ngày công phải gắn với nội dung công việc, khối	**Tiếp thu một phần ý kiến**: Nghị quyết chỉ Quy định mức chi, nội dung đề nghị quy định hoặc dẫn chiếu số ngày

			lượng và sản phẩm cụ thể. - Có thuyết minh cách xác định, được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Không tính lại tiền công đã nằm trong hợp đồng dịch vụ phân tích, thử nghiệm hoặc khoản chi khác cho cùng công việc. Bản so sánh, thuyết minh đã nêu nguyên tắc xác định và phê duyệt ngày công; đề nghị rà soát để thể hiện hoặc dẫn chiếu thống nhất trong dự thảo Nghị quyết. Đối với tiền công biên soạn, đề nghị làm rõ sản phẩm đã bao gồm trong mức khoán và sản phẩm được thanh toán riêng, bảo đảm không thanh toán trùng cho cùng một nội dung công việc.	công đã được quy định điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, được áp dụng trực tiếp khi lập, thẩm định và phê duyệt dự toán. Khi triển khai, đơn vị chủ trì phải thuyết minh số ngày công trên cơ sở tính chất, khối lượng, số lượng mẫu, phạm vi địa bàn, mức độ phức tạp, yêu cầu sản phẩm và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Chỉnh lý trực tiếp nội dung tương ứng trong dự thảo Nghị quyết và cập nhật đồng bộ Tờ trình, Bản so sánh, thuyết minh, Bảng dự kiến kinh phí (nếu liên quan). Căn cứ khoản 8 Điều 3 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN; chỉ quy định mức chi thuộc thẩm quyền HĐND, không lặp hoặc mở rộng chế độ đã được văn bản cấp trên quy định.
	Nguyên tắc áp dụng tỷ lệ 70% đối với tiêu chuẩn cơ sở)		Tại Điểm a và Điểm e Khoản 5 Điều 3, Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN quy định "tối đa bằng 70%", trong khi dự thảo Nghị quyết sử dụng cụm từ "bằng 70%". Đề nghị rà soát, thể hiện rõ đây là mức tối đa và xác định đúng mức chi gốc được dùng để tính tỷ lệ. Đối với thẩm tra dự thảo tiêu chuẩn cơ sở, đề nghị làm rõ phương pháp hội đồng và phương pháp chuyên gia là hai phương thức lựa chọn theo từng trường hợp, không áp dụng đồng thời	**Tiếp thu ý kiến**: Rà soát nguyên tắc áp dụng tỷ lệ 70% đối với tiêu chuẩn cơ sở. Cchỉnh lý trực tiếp nội dung tương ứng trong dự thảo Nghị quyết và cập nhật đồng bộ Tờ trình, Bản so sánh, thuyết minh, Bảng dự kiến kinh phí (nếu liên

			cho cùng một nội dung thẩm tra.	quan). Căn cứ khoản 8 Điều 3 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN; chỉ quy định mức chi thuộc thẩm quyền HĐND, không lặp hoặc mở rộng chế độ đã được văn bản cấp trên quy định.
	Bảng dự kiến kinh phí		Một số công thức và căn cứ xác định số lượng cần được rà soát như sau: Ô I45: Kiểm tra tham chiếu. Nếu các giả định khác giữ nguyên, kết quả phải là 30,6 triệu đồng, thay cho 10,2 triệu đồng Ô I62: Dự kiến 2 cuộc họp, nhưng công thức chưa nhân số lượng tại G62. Nếu mỗi cuộc có cơ cấu như bảng, kinh phí là 9,2 triệu đồng, thay cho 4,6 triệu đồng Ô I20: Công thức nhân cả tiền dịch, lấy ý kiến WTO, ý kiến chuyên gia và tổng hợp ý kiến với hệ số 3 × 4, Tách từng khoản theo số sản phẩm, số lần thực hiện; thuyết minh vì sao phải nhân 3 Ô I28: Gộp chi đăng tải hồ sơ vào công thức chi Hội đồng, dùng hệ số 8 × 4, đề nghị chỉnh lý Tách chi đăng tải; xác định rõ số hồ sơ và số nơi đăng tải. Chú thích hiện tại chưa giải thích được hệ số Ô I51: Cộng cả khoản thẩm tra theo phương pháp chuyên gia vào nhóm chi hội đồng đề nghị chỉnh lý Xác định phương pháp thực hiện và căn cứ chi, tránh cộng hai phương pháp cho cùng công việc Dòng 17: Mức 48 triệu đồng nhưng tên nội dung chưa thể hiện đây là dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn liên ngành đề nghị chỉnh lý Sửa tên cho phù hợp mức tiền và dự thảo Nghị quyết Các dòng 18, 19: Mỗi loại báo cáo đều dự kiến 4, trong khi các dòng biên soạn thể hiện 2 dự thảo mới và 2 dự	**Tiếp thu ý kiến**: Đã thực hiện kiểm tra và điều chỉnh kinh phí dự kiến hàng năm khi triển khai thực hiện Nghị quyết.

			thảo sửa đổi đề nghị chỉnh lý Đối chiếu lại số báo cáo với danh mục nhiệm vụ thực tế	
	Về cơ sở xác định nhu cầu kinh phí		Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc bổ sung hoặc làm rõ trong Tờ trình: - Danh mục nhiệm vụ dự kiến năm 2027, đơn vị chủ trì, sản phẩm và khối lượng. - Kinh phí đã thực hiện các năm trước để có cơ sở so sánh mức tăng. - Phân biệt tổng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ với phần kinh phí tăng thêm do áp dụng mức chi mới. - Thông tin về khả năng cân đối và nguồn dự kiến bố trí kinh phí theo quy định. Đối với số liệu so sánh với Thái Nguyên và Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị ghi rõ nguồn, thời điểm và tình trạng pháp lý của văn bản được đối chiếu để bảo đảm cơ sở tham khảo. - Bản đánh giá tập trung vào thủ tục hành chính, phân cấp, chuyển đổi số và các chính sách xã hội; do đó, đề nghị bổ sung nội dung phân tích tài chính trong Tờ trình hoặc phụ lục để làm rõ hơn khả năng bảo đảm ngân sách.	**Tiếp thu ý kiến**: Rà soát về cơ sở xác định nhu cầu kinh phí. Chỉnh lý trực tiếp nội dung tương ứng trong dự thảo Nghị quyết và cập nhật đồng bộ Tờ trình, Bản so sánh, thuyết minh, Bảng dự kiến kinh phí (nếu liên quan). Căn cứ khoản 8 Điều 3 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN; chỉ quy định mức chi thuộc thẩm quyền HĐND, không lặp hoặc mở rộng chế độ đã được văn bản cấp trên quy định.
	Điều 4 dự thảo Nghị quyết Về nguồn kinh phí, hiệu lực và tính thống nhất của hồ sơ		Đề nghị diễn đạt: "*Kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi ngân sách thành phố hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành, phù hợp với nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách*" Đồng thời: - Xác định thời điểm có hiệu lực phù hợp với thời điểm HĐND thành phố thông qua và nhu cầu bố trí kinh phí từ năm 2027. - Làm rõ cách xử lý nhiệm vụ, dự toán hoặc hợp đồng đã phê duyệt trước ngày Nghị quyết có hiệu lực. - Rà soát khoản 2 Điều 5 để phân biệt việc áp dụng văn bản viện dẫn đã được sửa đổi, bổ sung với việc điều chỉnh	**Tiếp thu ý kiến**: Rà soát điều 4 dự thảo nghị quyết về nguồn kinh phí, hiệu lực và tính thống nhất của hồ sơ. Chỉnh lý trực tiếp nội dung tương ứng trong dự thảo Nghị quyết và cập nhật đồng bộ Tờ trình, Bản so sánh, thuyết minh, Bảng dự kiến kinh phí (nếu liên quan). Căn cứ khoản 8 Điều 3 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN; chỉ quy định mức chi thuộc thẩm quyền HĐND,

			mức chi cụ thể thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố. - Thống nhất tên Nghị quyết giữa các tài liệu. - Rà soát phần kết Tờ trình, xác định thống nhất chủ thể trình và cơ quan tiếp nhận trong từng bước của quy trình xây dựng Nghị quyết - Cập nhật Bản so sánh, thuyết minh theo đúng bản dự thảo cuối cùng.	không lặp hoặc mở rộng chế độ đã được văn bản cấp trên quy định.
13	Điểm a khoản 2 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết	Trường Cao Đẳng Dược Trung Ương Hải Dương (Công văn 1635/CV-CĐD ngày 27/10/2026)	Quy định tiền công lấy mẫu là 500.000 đồng/ngày công; điểm b quy định phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử là 1.000.000 đồng/ngày công. Mức chi này cần được đối chiếu trực tiếp với hệ số tiền công nhà khoa học/chuyên gia nghiên cứu quy định tại các văn bản quản lý nhiệm vụ KH&CN hiện hành của Hải Phòng. Tránh tình trạng chênh lệch định mức giữa việc thực hiện đề tài KH&CN và việc xây dựng quy chuẩn/tiêu chuẩn kỹ thuật, dẫn đến thiếu hụt nhân lực chất lượng cao tham gia công tác quy chuẩn.	**Tiếp thu ý kiến:** Việc quy định mức chi theo ngày công áp dụng đối với những công việc không thực hiện theo nhiệm vụ khoa học công nghệ.
	Điểm e khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị quyết		viện dẫn mức chi của thành viên hội đồng "bằng 70% mức chi đối với thành viên họp hội đồng thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia quy định tại điểm n khoản 1 Điều 15 Thông tu số 23/2026/TT- BKHCN". Việc viện dẫn bắc cầu qua một thông tư chuyên ngành thay vì quy định số tiền tuyệt đối (hoặc viện dẫn trực tiếp điều khoản trong Nghị quyết) sẽ gây lúng túng khi lập dự toán và thanh quyết toán ở cấp cơ sở.	**Không tiếp thu:** Dự thảo Quy định được xây dựng trên cơ sở bám sát nội dung và nguyên tắc quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN. Đối với các khoản chi được Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) so với mức chi của nội dung tương tự hoặc theo hệ số, phương pháp xác định tại văn bản khác,việc tiếp tục quy định theo hình thức dẫn chiếu nhằm bảo đảm tính thống nhất, chính xác và thuận lợi trong quá trình áp dụng khi các mức chi, hệ số hoặc văn bản được viện dẫn có sự sửa đổi, bổ sung hoặc thay

				thế.Bên cạnh đó, việc quy đổi thành mức tiền cụ thể trong dự thảo Quy định có thể dẫn đến không còn phù hợp khi các căn cứ được viện dẫn thay đổi, đồng thời làm phát sinh yêu cầu sửa đổi văn bản của địa phương để bảo đảm tính đồng bộ với quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, Chi cục giữ nguyên nội dung dự thảo theo hướng dẫn chiếu đến các quy định tương ứng tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN.
	Khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết		quy định mức chi lấy ý kiến chuyên gia, nhà khoa học là 700.000 đồng/phiếu ý kiến; nhưng ở khoản 4 (đánh giá hiệu quả áp dụng) và khoản 5 (xây dựng tiêu chuẩn cơ sở) lại giảm xuống còn 500.000 đồng/phiếu ý kiến. Về mặt học thuật, công tác đánh giá hồi cứu hiệu quả thực tế của quy chuẩn hoặc phản biện tiêu chuẩn cơ sở đòi hỏi khối lượng dữ liệu và hàm lượng trí tuệ không kém việc xây dựng ban đầu. Mức chênh lệch này nên được cân nhắc điều chỉnh đồng bộ hoặc có thuyết minh tiêu chí khối lượng công việc cụ thể.	**Không tiếp thu ý kiến:** Tại Dự thảo Nghị quyết đã tham mưu áp dụng mức chi tối đa tại Thông tư 23/2026/TT-BKHCN, do đó mức đề xuất tại Nghị quyết là mức cao nhất được phép xây dựng và phê duyệt.
	Khoản 6 Điều 3 dự thảo Nghị quyết		quy định các mức chi cho việc lập báo cáo phân tích tác động biện pháp TBT, đề xuất quan ngại thương mại lên WTO (10.000.000 đồng/báo cáo). Đây là mảng nghiệp vụ mang tính chuyên sâu cao về thương mại quốc tế và luật pháp quốc tế. Hồ sơ đánh giá tác động cần bổ sung phương án: Liệu đơn vị địa phương tự thực hiện hay cơ chế tài chính này cho phép thuê khoán chuyên gia/tổ chức tư vấn độc lập? Nếu không quy định rõ cơ chế thuê chuyên gia ngoài biên chế, mức chi này rất khó giải ngân.	**Không tiếp thu ý kiến:** Tại Dự thảo Nghị quyết đã tham mưu áp dụng mức chi tối đa tại Thông tư 23/2026/TT-BKHCN, do đó mức đề xuất tại Nghị quyết là mức cao nhất được phép xây dựng và phê duyệt.

	Báo cáo đánh giá tác động		Cần bổ sung phân tích về tác động nguồn lực thực thi: năng lực cán bộ hiện hữu, nhu cầu đào tạo/tập huấn kỹ thuật đo lường - kiểm định, và dự kiến tổng nhu cầu kinh phí ngân sách hằng năm mà thành phố cần cân đối để thực hiện Nghị quyết.	**Tiếp thu ý kiến:** Công tác thẩm tra, tiếp nhận TBT, kiểm định đo lường vốn là chức năng thường xuyên của cơ quan chuyên môn, cán bộ hiện hữu tự đảm nhận. Tuy nhiên việc đào tạo/tập huấn nâng cao năng lực đã được Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục tham mưu cho ủy ban nhân dân để phát triển nguồn nhân lực
	Bản thuyết minh		Bản thuyết minh cần chỉ rõ: Các mức định mức tại Hải Phòng được xác định ở mức tối đa 100% hay tỷ lệ bao nhiêu % so với trần Thông tư của Bộ, và lý do lựa chọn mức đó dựa trên tiềm lực ngân sách loại I của thành phố.	**Tiếp thu ý kiến:** Tiếp tục rà soát đồng nhất tại các văn bản: tờ trình, dự thảo, thuyết minh